

Chương 2

PHÂN TÍCH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



1

Nội dung

- 1 Phân tích giá thành theo các khoản mục
- 2 Phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- 3 Phân tích điểm hoà vốn và đòn bẩy hoạt động

2

1.1 KHÁI NIỆM, PHÂN LOẠI CP VÀ GIÁ THÀNH

Chi phí sản xuất là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí mà doanh nghiệp phải tiêu dùng trong kỳ để thực hiện quá trình sản xuất sản phẩm

Giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản chi phí mà Doanh nghiệp bỏ ra ở bất kể kỳ nào nhưng có liên quan đến khối lượng công việc, sản phẩm hoàn thành trong kỳ

3

1.1 KHÁI NIỆM, PHÂN LOẠI CP VÀ GIÁ THÀNH

Chi phí sản xuất	Giá thành sản phẩm
<ul style="list-style-type: none">• Phản ánh mặt hao phí• Gồm các chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trong kỳ	<ul style="list-style-type: none">• Phản ánh mặt kết quả thu được• $Z = CP \text{ dở dang đầu kỳ} + CP \text{ phát sinh trong kỳ} - CP \text{ dở dang cuối kỳ}$

4

1.1 KHÁI NIỆM, PHÂN LOẠI CP VÀ GIÁ THÀNH

- Phân loại chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố
- Phân loại chi phí theo khoản mục chi phí
- Phân loại chi phí theo cách tính vào giá thành
- Phân loại chi phí theo tính chất biến động của chi phí

5

1.1 KHÁI NIỆM, PHÂN LOẠI CP VÀ GIÁ THÀNH

<i>Phân loại chi phí theo yếu tố</i>	<i>Phân loại chi phí theo khoản mục</i>
<ul style="list-style-type: none">✘ Chi phí nguyên vật liệu mua ngoài✘ Chi phí tiền lương✘ Bảo hiểm xã hội và các khoản trích theo lương✘ Chi phí khấu hao tài sản cố định✘ Chi phí dịch vụ thuê ngoài✘ Chi phí bằng tiền khác	<ul style="list-style-type: none">✘ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp✘ Chi phí nhân công trực tiếp✘ Chi phí sản xuất chung✘ Chi phí bán hàng✘ Chi phí quản lý✘ Chi phí tài chính✘ Chi phí khác

6

1.1 KHÁI NIỆM, PHÂN LOẠI CP VÀ GIÁ THÀNH

Phân loại theo cách ứng xử

- ✘ Biến phí
- ✘ Định phí
- ✘ Chi phí hỗn hợp

Phân loại theo cách tính CP vào Z

- ✘ Chi phí trực tiếp
- ✘ Chi phí gián tiếp

7

1.1 KHÁI NIỆM, PHÂN LOẠI CP VÀ GIÁ THÀNH

Phân loại theo phạm vi tính giá thành:

- ▼ Giá thành sản xuất
- ▼ Giá thành tiêu thụ

Phân loại theo thời điểm tính giá thành:

- Giá thành định mức
- Giá thành kế hoạch
- Giá thành thực tế

Phân loại theo phương pháp tính giá thành:

- Giá thành toàn bộ
- Giá thành trực tiếp

8

1.2 Ý NGHĨA VÀ NHIỆM VỤ PHÂN TÍCH

Ý NGHĨA PHÂN TÍCH

- Chỉ ra các nhân tố tác động đến chi phí sản xuất và giá thành. Từ đó đưa ra các chính sách đúng đắn về chi phí và giá thành, đồng thời đánh giá đúng kết quả kinh doanh, khả năng, tiềm năng của doanh nghiệp
- Phát hiện những yếu tố chi phí chưa hợp lý để có biện pháp quản lý tốt hơn, tiết kiệm chi phí hơn, hiệu quả hơn

9

2. PHÂN TÍCH KẾT QUẢ HĐ KINH DOANH

- ▶ Mục đích phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- ▶ Phân tích khái quát báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- ▶ Phân tích doanh thu
- ▶ Phân tích lợi nhuận

10

2.1 MỤC ĐÍCH PHÂN TÍCH

- Xác định các nhân tố tác động đến doanh thu
- Đánh giá khả năng thích ứng của doanh nghiệp
- Đánh giá vị thế và sức cạnh tranh của doanh nghiệp
- Đánh giá lợi nhuận và khả năng trả lãi vay
- Đánh giá chính sách phân phối của doanh nghiệp

11

2.1 MỤC ĐÍCH PHÂN TÍCH

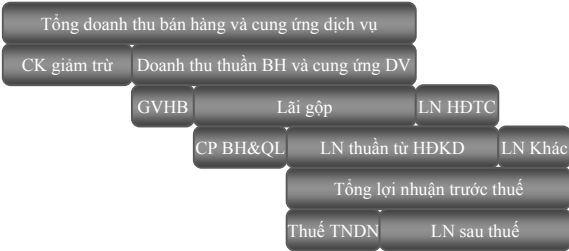
Ví dụ:

Công ty XL đề nghị ngân hàng ZQ cho vay 1,5 tỷ với lãi suất vay là 1%/tháng, thời hạn vay là 6 tháng (Tài sản thế chấp là 5 tỷ đồng). Biết EBIT bình quân trong 3 năm qua của DN là 180 triệu đồng.

Hãy tư vấn cho ngân hàng ZQ trong tình huống trên

12

Nội dung các chỉ tiêu trong báo cáo kết quả HĐKD



13

2.2 PHÂN TÍCH KHÁI QUÁT

Phân tích theo chiều ngang

So sánh số liệu kỳ này với số liệu kỳ trước

Mức tăng, giảm = Chỉ tiêu kỳ này - Chỉ tiêu kỳ trước

% tăng giảm = (Mức tăng giảm / Chỉ tiêu kỳ trước) * 100

Phân tích theo chiều dọc

- So sánh tốc độ tăng giảm của các khoản mục CP, LN với DT thuần
- Xác định mức chi phí và lợi nhuận trên 100 đồng doanh thu thuần từng năm: GVHB/DTT, LN gộp/ DTT, Chi phí BH&QL / DTT

14

Chỉ tiêu	2004	2005	Chênh lệch		A. hưởng đến LN	% theo doanh thu		
			Mức	%		2004	2005	C. lệch
Tổng doanh thu	26.725	25.530						
Các khoản giảm trừ	2.500	2.400						
1. Doanh thu thuần	24.225	23.130						
2. Giá vốn hàng bán	14.900	13.840						
3. Lợi nhuận gộp	9.325	9.290						
4. Chi phí bán hàng	1.900	2.500						
5. Chi phí quản lý DN	3.215	4.000						
6. LN từ HĐKD chính	4.210	2.790						
7. Doanh thu hoạt động TC	560	600						
8. Chi phí hoạt động TC	800	760						
<i>Trong đó chi phí lãi vay</i>	670	620						
9. LN từ hoạt động TC	(240)	(160)						
10. Lợi nhuận thuần HĐKD	3.970	2.630						
11. Lợi nhuận khác	150	200						
12. EBIT	4.790	3.450						
13. Lợi nhuận trước thuế	4.120	2.830						
14. Thuế thu nhập DN (28%)	1.154	792						
15. Lợi nhuận sau thuế	2.966	2.038						

15

2.3 PHÂN TÍCH DOANH THU

Công thức phân tích

✧ Tổng doanh thu $S = Q \times P$

✧ Doanh thu thuần $S = Q \times P - R$

Trong đó, Q: sản lượng tiêu thụ

P: Giá bán

R: Các khoản giảm trừ

16

Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tổng doanh thu

✦ Phân tích chung

✦ Phân tích các nhân tố ảnh hưởng

✓ Ảnh hưởng của số lượng sản phẩm tiêu thụ

✓ Ảnh hưởng của nhân tố giá bán sản phẩm

Tổng hợp

17

Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến doanh thu thuần

✦ Phân tích chung

✦ Phân tích các nhân tố ảnh hưởng

✓ Ảnh hưởng của số lượng sản phẩm tiêu thụ

✓ Ảnh hưởng của nhân tố giá bán sản phẩm

✓ Ảnh hưởng của nhân tố các khoản giảm trừ

Tổng hợp

18

2.4 PHÂN TÍCH LỢI NHUẬN

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận} &= \text{DTT} - \text{GVHB} - \text{CPBH} - \text{CPQLDN} \\ &= \text{DTT}(\% \text{LN gộp} - \% \text{CPBH} - \% \text{CPQLDN}) \end{aligned}$$

Φ Phân tích chung $\Delta \text{LN} = \text{LN}_1 - \text{LN}_0$

19

❖ Phân tích các nhân tố ảnh hưởng

❖ Ảnh hưởng của doanh thu thuần

$$\Delta \text{LN}(S) = (S_1 - S_0)(\% \text{LNG}_0 - \% \text{CPBH}_0 - \% \text{CPQL}_0)$$

❖ Ảnh hưởng của nhân tố hiệu quả

✓ Ảnh hưởng của tỉ lệ lợi nhuận gộp

$$\Delta \text{LN}(\% \text{LNG}) = S_1(\% \text{LNG}_1 - \% \text{LNG}_0)$$

✓ Ảnh hưởng của tỉ suất tỉ lệ chi phí bán hàng

$$\Delta \text{LN}(\% \text{CPBH}) = - S_1(\% \text{CPBH}_1 - \% \text{CPBH}_0)$$

✓ Ảnh hưởng của tỉ lệ chi phí quản lý DN

$$\Delta \text{LN}(\% \text{CPQL}) = - S_1(\% \text{CPQL}_1 - \% \text{CPQL}_0)$$

Tổng hợp

$$\Delta \text{LN} = \Delta \text{LN}(S) + \Delta \text{LN}(\% \text{LNG}) + \Delta \text{LN}(\% \text{CPBH}) + \Delta \text{LN}(\% \text{CPQL})$$

Với số liệu của bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên (phần phân tích khái quát BCKQ kinh doanh) và thông tin tiêu thụ chi tiết tại Công ty D như sau:

Sản phẩm	Số lượng SP tiêu thụ (chiếc)		Giá vốn đơn vị SP		Đơn giá bán	
	2004	2005	2004	2005	2004	2005
A	120	150	10	10	20	23
B	145	180	12	13	25	26
C	230	200	52	50	90	87

Yêu cầu: Hãy phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Doanh nghiệp D

21

Bảng phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến doanh thu và doanh thu thuần

Sản phẩm	Doanh thu			Tổng ch/lệch	Các nhân tố ảnh hưởng	
	Q_0P_0	Q_1P_0	Q_1P_1		Do lượng	Do giá
A						
B						
Cộng						
R						
Tổng						

22

Bảng phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận

Chỉ tiêu	2004	2005	Chênh lệch	% theo doanh thu			Mức độ ã.hưởng	
				2004	2005	C. lệch	DTT	Hiệu quả
1. DTT								
2. GVHB								
3. LNG								
4. CPBH								
5. CPQLDN								
6. LN BH								

23

3. ĐIỂM HÒA VỐN VÀ ĐÒN BẢY KINH DOANH

- Phân tích điểm hoà vốn
- Phân tích đòn bẩy hoạt động

24

3.1 PHÂN TÍCH ĐIỂM HÒA VỐN

➤ Khái niệm: *Điểm hoà vốn là điểm mà doanh thu bằng chi phí và lợi nhuận bằng 0*

➤ Một số giả thuyết

- ◆ *Giá bán không đổi*
- ◆ *Mối quan hệ giữa biến phí và mức độ hoạt động là mối quan hệ tuyến tính*
- ◆ *Phải phân loại được chi phí thành biến phí và định phí*

25

3.1 PHÂN TÍCH ĐIỂM HÒA VỐN

Gọi: Q_{hv} : sản lượng sản phẩm hoà vốn

p : đơn giá bán

v : biến phí đơn vị

F : Định phí

$$(p-v)Q_{hv} - F = 0$$

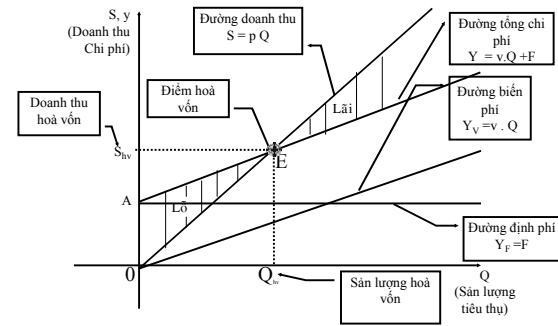
Biểu thức hoà vốn

$$\text{Sản lượng hoà vốn } Q_{hv} = \frac{\text{Tổng định phí (F)}}{\text{Giá bán (P) - Biến phí (v)}}$$

$$\text{Doanh thu hoà vốn } S_{hv} = \frac{\text{Tổng định phí (F)}}{1 - \frac{\text{Biến phí}}{\text{Giá bán}}}$$

26

3.1 PHÂN TÍCH ĐIỂM HÒA VỐN



27

Ví dụ: Công ty SGTOY chuyên sản xuất đồ chơi trẻ em. Thông tin về doanh thu và chi phí tại công ty năm 2005 như sau: (ĐVT: 1.000 đồng)

Chỉ tiêu	Tổng số	Đơn vị	%
Doanh thu (1000sp)	250.000	250	100
Biến phí	150.000	150	60
Số dư đảm phí	100.000	100	40
Định phí	60.000		
EBIT	40.000		

Hãy xác định sản lượng và doanh thu hoà vốn.

28

3.1 PHÂN TÍCH ĐIỂM HÒA VỐN

1 Giúp DN có những quyết định cụ thể: lựa chọn mặt hàng KD, có nhận thêm đơn hàng hay không?

2 Giúp xác định khối lượng tiêu thụ cần thiết để đạt được mức lợi nhuận mong muốn, chủ động trong điều hành các sách lược bán hàng, hoạch định kế hoạch ngắn hạn.

3 Giúp DN xác định được điểm ngừng sản xuất và giá bán hòa vốn

4 Giúp DN lựa chọn quy mô đầu tư phù hợp với quy mô thị trường, lựa chọn hình thức đầu tư giúp giảm thiểu những rủi ro do sự biến động sản lượng tiêu thụ

29

3.2 PHÂN TÍCH ĐỒN BẦY HOẠT ĐỘNG

Đòn bẩy hoạt động thể hiện mức độ sử dụng chi phí hoạt động cố định của công ty.



30

3.2 PHÂN TÍCH ĐÒN BẢY HOẠT ĐỘNG

Sự thay đổi của DOL theo doanh thu

Báo cáo thu nhập của công ty A tại các mức doanh thu khác nhau (ĐVT: 1.000 đồng)

S	0	50	100	150	250	350	400
V	0	30	60	90	150	210	240
CM	0	20	40	60	100	140	160
F	60	60	60	60	60	60	60
EBIT	-60	-40	-20	0	40	80	100
DOL							

34

3.2 PHÂN TÍCH ĐÒN BẢY HOẠT ĐỘNG

Sự thay đổi của DOL theo doanh thu

- ↪ Khi $S = 0 \rightarrow DOL = 0$
- ↪ Khi $S < S_{hv} \rightarrow DOL < 0$. Lúc này DOL thể hiện tốc độ giảm lỗ khi S tăng 1%
- ↪ Khi $S = S_{hv} \rightarrow DOL = \infty$
- ↪ Khi $S > S_{hv} \rightarrow DOL > 0$ và giảm dần về 1 khi doanh thu tăng

35

3.2 PHÂN TÍCH ĐÒN BẢY HOẠT ĐỘNG

- Doanh nghiệp có đòn bẩy hoạt động cao thì rủi ro trong kinh doanh càng cao
- Các yếu tố chủ yếu gây ra rủi ro cho DN là sự thay đổi doanh thu và chi phí
- Đòn bẩy hoạt động chỉ khuếch đại ảnh hưởng của các yếu tố này lên lợi nhuận
- Độ bẩy của DN bản thân không tạo ra rủi ro, nó chỉ tác động làm gia tăng rủi ro khi có sự biến động của doanh thu và chi phí
- Việc lựa chọn đòn bẩy hoạt động phụ thuộc vào đặc điểm của từng ngành nghề kinh doanh

36

3.2 PHÂN TÍCH ĐỒN BẦY HOẠT ĐỘNG

Bài tập: DN DeSoto dự định mở rộng sản xuất, chi phí đầu tư là 300.000, được tài trợ bằng nợ vay (lãi suất 14%). Sau khi mở rộng sản xuất, doanh thu dự kiến gia tăng thêm 1.000.000. Chi phí biến đổi chiếm 30% doanh thu, chi phí cố định tăng thêm 350.000. Thuế suất thuế TNDN là 34%.

- Xác định độ bầy hoạt động
- Lập báo cáo kết quả kinh doanh (dạng giản đơn) sau khi mở rộng sản xuất
- Xác định độ bầy hoạt động sau khi mở rộng sản xuất

37

3.2 PHÂN TÍCH ĐỒN BẦY HOẠT ĐỘNG

Báo cáo Kết quả kinh doanh Năm 200X

Doanh thu		
Chi phí biến đổi		
Chi phí cố định		
Lợi nhuận trước thuế, trước lãi		
Lãi vay		
Lợi nhuận trước thuế		
Thuế TNDN		
Lợi nhuận sau thuế		

38

VÍ DỤ: LẬP BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tài liệu 1: Tình hình và KQ tiêu thụ SP

Sản phẩm	Sản lượng tiêu thụ		Đơn giá (gồm cả thuế)		Giá thành đơn vị SP	
	Năm N - 1	Năm N	Năm N - 1	Năm N	Năm N - 1	Năm N
A	1250	1500	0,275	0,264	0,21	0,23
B	1800	2300	1,98	1,87	1,5	1,53
C	500	750	1,05	0,902	0,5	0,52

Tài liệu 2 Tổng chi phí quản lý phát sinh trong năm

Năm N - 1	120
Năm N	80

39

VÍ DỤ: LẬP BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tài liệu 3: Chi phí bán hàng

Chỉ tiêu	Năm N-1	Năm N
Chi phí vận chuyển, bốc dỡ	50	56
Tiền lương và phụ cấp của nhân viên BH	40	44
Tiền thuê cửa hàng	15	16
Hoa hồng đại lý	30	36
Chi phí quảng cáo	55	65
Chi phí bảo hành sản phẩm	10	3
Tổng cộng	200	220

40

VÍ DỤ: LẬP BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tài liệu 4 Thu nhập và chi phí hoạt động tài chính

Chỉ tiêu	Năm N-1	Năm N
Lợi nhuận được chia từ hoạt động liên doanh	26	34
Thu lãi tiền gửi	15	16
Lãi tiền vay	120	180
Thu nhập cho thuê tài sản	34	40
Trích dự phòng giảm giá chứng khoán	10	
Chi phí cho hoạt động liên doanh	12	14
Hoàn nhập dự phòng giảm giá CK		10
Chi phí cho thuê TS	9	15
Tổng cộng	217	284

41

VÍ DỤ: LẬP BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tài liệu 5 Thu nhập và chi phí hoạt động khác

Chỉ tiêu	Năm N-1	Năm N
Tiền bồi thường và tiền phạt được hưởng		15
Chuyển GT còn lại của TSCĐ đã bán	40	60
Thu hồi nợ khó đòi đã xử lý	22	40
Thu bán TSCĐ	50	90
Tiền phạt và tiền bồi thường phải trả	5	
Tổng cộng	117	205

Tài liệu 6

Thuế suất thuế TNDN	28%
Thuế GTGT sp A,B	10%
Thuế TTDB sp C	50%

42

Chỉ tiêu	Năm trước	Năm nay
1. Doanh thu BH & CCDV		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
3. Doanh thu thuần về BH và CCDV		
4. Giá vốn hàng bán		
5. Lợi nhuận gộp về BH & CCDV		
6. Doanh thu hoạt động tài chính		
7. Chi phí hoạt động tài chính		
Trong đó: chi phí lãi vay		
8. Chi phí bán hàng		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD		
11. Thu nhập khác		
12. Chi phí khác		
13. Lợi nhuận khác		
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		
15. Thuế TNDN		
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		

CuuDuongThanCong.com